

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 27

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh ("Nhóm Công ty"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Lê Quân	Thành viên
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Chris Freund	Thành viên
Ông Thomas Lanyi	Thành viên
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên
Ông Robert Willet	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Xuân Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc
Ông Điều Chính Hải Triều	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Đức Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 61110221/18529788-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.288.142.407.269	6.176.432.326.364
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	996.983.462.012	343.872.968.705
111	1. Tiền		994.084.241.883	341.111.726.751
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.899.220.129	2.761.241.954
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.410.642.874.572	636.322.979.955
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		243.463.945.511	76.906.740.739
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		315.210.181.153	218.453.419.175
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	851.968.747.908	340.962.820.041
140	III. Hàng tồn kho	6	9.370.731.749.778	4.932.684.842.299
141	1. Hàng tồn kho		9.513.657.569.828	5.009.708.492.628
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(142.925.820.050)	(77.023.650.329)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		509.784.320.907	263.551.535.405
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	207.882.145.656	109.626.068.028
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		301.899.675.251	153.922.967.377
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.500.000	2.500.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.566.120.825.722	1.089.329.907.510
210	I. Phải thu dài hạn		179.685.175.407	112.464.049.268
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	179.685.175.407	112.464.049.268
220	II. Tài sản cố định		2.096.423.249.031	849.146.989.686
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.069.808.781.368	826.925.406.043
222	Nguyên giá		2.784.487.122.434	1.182.769.513.198
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(714.678.341.066)	(355.844.107.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	26.614.467.663	22.221.583.643
228	Nguyên giá		31.108.130.144	26.203.355.944
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.493.662.481)	(3.981.772.301)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		80.420.562.147	42.854.581.814
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	80.420.562.147	42.854.581.814
260	IV. Tài sản dài hạn khác		209.591.839.137	84.864.286.742
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	123.544.885.549	56.933.695.976
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	83.541.781.452	15.404.730.066
269	3. Lợi thế thương mại	13	2.505.172.136	12.525.860.700
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.854.263.232.991	7.265.762.233.874

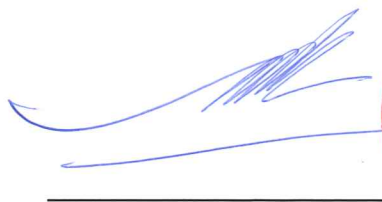
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.012.905.506.628	4.782.209.545.548
310	I. Nợ ngắn hạn		11.012.905.506.628	4.782.209.545.548
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.680.038.863.685	1.971.271.636.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.044.459.341	19.297.585.840
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	152.824.005.918	174.477.742.839
314	4. Phải trả người lao động		91.329.782.829	52.487.558.084
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	903.458.117.123	307.223.642.031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	334.546.042.947	175.362.240.764
320	7. Vay ngắn hạn	18	4.788.991.746.757	2.052.945.972.681
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		36.722.488.028	24.193.166.491
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.841.357.726.363	2.483.552.688.326
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.841.357.726.363	2.483.552.688.326
411	1. Vốn cổ phần	19.1	1.539.509.270.000	1.468.889.740.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.539.509.270.000	1.468.889.740.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	36.717.698.286	36.717.698.286
414	3. Vốn khác	19.1	1.130.494.084	1.130.494.084
415	4. Cổ phiếu quỹ	19.1	(79.164.500)	(2.454.294.500)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	2.261.763.398.339	977.630.195.800
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		684.390.972.000	(31.481.390.233)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.577.372.426.339	1.009.111.586.033
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.316.030.154	1.638.854.656
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.854.263.232.991	7.265.762.233.874



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	45.612.676.802.016	25.388.072.018.730
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(999.344.129.028)	(135.338.939.486)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	44.613.332.672.988	25.252.733.079.244
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(37.399.226.360.426)	(21.330.302.185.370)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.214.106.312.562	3.922.430.893.874
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	135.327.700.732	80.985.820.413
22	7. Chi phí tài chính	22	(120.085.861.346)	(40.666.093.756)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(119.645.695.306)	(38.893.852.014)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(4.287.696.260.226)	(2.351.094.719.997)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(934.776.941.124)	(249.315.306.535)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.006.874.950.598	1.362.340.593.999
31	11. Thu nhập khác		31.129.990.083	25.192.750.122
32	12. Chi phí khác		(32.090.825.758)	(1.749.556.427)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(960.835.675)	23.443.193.695
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.005.914.114.923	1.385.783.787.694
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(495.800.545.472)	(312.610.960.322)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.2	68.137.051.386	2.598.402.071
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.578.250.620.837	1.075.771.229.443
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.577.372.426.339	1.071.893.519.399
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		878.194.498	3.877.710.044
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	10.246	6.957
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	9.948	6.957

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc



Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.005.914.114.923	1.385.783.787.694
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	9, 10, 13	386.634.522.356	197.056.011.824
03	Dự phòng		78.431.491.258	32.187.455.819
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(91.382.580)	(138.916.487)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		2,261,763	(856.415.030)
06	Chi phí lãi vay	22	119.645.695.306	38.893.852.014
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.590.536.703.026	1.652.925.775.834
09	Tăng các khoản phải thu		(989.517.728.630)	(476.685.311.770)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.503.949.077.200)	(2.756.191.562.693)
11	Tăng các khoản phải trả		3.124.564.571.480	1.235.357.266.488
12	Tăng chi phí trả trước		(164.867.267.201)	(63.386.564.833)
14	Tiền lãi vay đã trả		(112.394.627.462)	(37.442.521.379)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(530.854.203.913)	(196.048.457.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(586.481.629.900)	(641.471.376.080)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.278.788.918.537)	(586.517.897.472)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		951.588.323	-
25	Tiền chi để mua một phần vốn chủ sở hữu trong công ty con		-	(72.239.580.000)
27	Lãi tiền gửi		1.799.386.697	913.660.286
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.276.037.943.517)	(657.843.817.186)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu		(315.300.000)	(2.153.900.000)
33	Tiền thu từ đi vay		19.961.551.061.988	8.129.261.915.021
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.225.505.287.912)	(6.695.006.247.613)
36	Cổ tức đã trả		(220.130.282.800)	(1.834.225.628)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.515.600.191.276	1.430.267.541.780

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		653.080.617.859	130.952.348.514
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		343.872.968.705	212.920.620.191
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		29.875.448	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	996.983.462.012	343.872.968.705



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26.207 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.784).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (“TGDD”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005841 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007. TGDD có trụ sở chính tại 130 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (“BHX”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310471746 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010. BHX có trụ sở chính tại 130 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	-	giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị kỹ thuật số điện tử	-	giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thực phẩm, đồ uống	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Lợi thế thương mại	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng (nếu có) theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.14 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	495.636.236.091	174.622.309.580
Tiền gửi ngân hàng	468.894.254.911	156.416.860.560
Tiền đang chuyển	29.553.750.881	10.072.556.611
Các khoản tương đương tiền	2.899.220.129	2.761.241.954
TỔNG CỘNG	996.983.462.012	343.872.968.705

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,5% mỗi năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	816.604.354.365	315.160.616.094
- Samsung Điện tử Việt Nam Thái Nguyên	235.640.969.713	84.642.627.136
- Apple South Asia Pte Ltd	99.691.842.067	33.241.094.849
- Sony Điện tử Việt Nam	92.642.140.933	39.288.779.993
- Khác	388.629.401.652	157.988.114.116
Tạm ứng cho nhân viên	14.012.840.691	11.492.620.175
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	3.026.002.306	8.360.478.184
Phải thu nhân viên	2.671.385.028	1.472.973.206
Các khoản khác	15.654.165.518	4.476.132.382
TỔNG CỘNG	851.968.747.908	340.962.820.041

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Điện thoại di động	4.445.340.978.253	2.917.942.837.633
Thiết bị điện tử	2.962.043.154.821	994.220.035.046
Thiết bị gia dụng	647.938.031.833	199.084.160.955
Phụ kiện	627.037.627.344	326.542.170.462
Máy tính bảng	309.711.179.492	304.528.245.430
Máy tính xách tay	250.306.111.945	97.995.910.134
Thẻ cào	103.148.153.561	48.959.965.108
Hàng đang chuyển	21.295.394.429	75.315.470.199
Hàng hóa khác	146.836.938.150	45.119.697.661
TỔNG CỘNG	9.513.657.569.828	5.009.708.492.628
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(142.925.820.050)	(77.023.650.329)
GIÁ TRỊ THUẦN	9.370.731.749.778	4.932.684.842.299

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	(77.023.650.329)	(58.210.581.800)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(142.925.820.050)	(77.023.650.329)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	77.023.650.329	58.210.581.800
Số cuối năm	(142.925.820.050)	(77.023.650.329)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và thành lập văn phòng và các trung tâm phân phối.

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác chủ yếu thể hiện chi phí ký quỹ dài hạn của văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	979.192.698.137	28.801.629.788	174.775.185.273	1.182.769.513.198
Mua trong năm	1.358.195.436.436	36.087.405.034	184.601.132.437	1.578.883.973.907
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	42.854.581.814	-	-	42.854.581.814
Thanh lý trong năm	<u>(14.060.175.185)</u>	<u>-</u>	<u>(5.960.771.300)</u>	<u>(20.020.946.485)</u>
Số cuối năm	<u>2.366.182.541.202</u>	<u>64.889.034.822</u>	<u>353.415.546.410</u>	<u>2.784.487.122.434</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	280.465.250.483	5.001.948.714	70.376.907.958	355.844.107.155
Khấu hao trong năm	316.770.038.688	6.989.973.387	52.341.931.537	376.101.943.612
Thanh lý trong năm	<u>(11.376.459.234)</u>	<u>-</u>	<u>(5.891.250.467)</u>	<u>(17.267.709.701)</u>
Số cuối năm	<u>585.858.829.937</u>	<u>11.991.922.101</u>	<u>116.827.589.028</u>	<u>714.678.341.066</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>698.727.447.654</u>	<u>23.799.681.074</u>	<u>104.398.277.315</u>	<u>826.925.406.043</u>
Số cuối năm	<u>1.780.323.711.265</u>	<u>52.897.112.721</u>	<u>236.587.957.382</u>	<u>2.069.808.781.368</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính</i>		<i>VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	21.094.104.300	5.109.251.644	26.203.355.944
Mua trong năm	4.904.774.200	-	4.904.774.200
Số cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>5.109.251.644</u>	<u>31.108.130.144</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	3.981.772.301	3.981.772.301
Hao mòn trong năm	-	511.890.180	511.890.180
Số cuối năm	-	<u>4.493.662.481</u>	<u>4.493.662.481</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>21.094.104.300</u>	<u>1.127.479.343</u>	<u>22.221.583.643</u>
Số cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>615.589.163</u>	<u>26.614.467.663</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thiết kế, bài trí mới các cửa hàng	73.577.915.542	17.563.004.795
Chi phí thuê cửa hàng	28.260.409.953	26.856.894.734
Thiết bị có giá trị nhỏ	21.706.560.054	12.513.796.447
TỔNG CỘNG	<u>123.544.885.549</u>	<u>56.933.695.976</u>

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>VND</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>30.159.070.256</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	17.633.209.556
Phân bổ trong năm	<u>10.020.688.564</u>
Số cuối năm	<u>27.653.898.120</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>12.525.860.700</u>
Số cuối năm	<u>2.505.172.136</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Apple Việt Nam	919.562.627.843	-
Sony Điện tử Việt Nam	389.171.907.228	277.697.871.987
Công ty TNHH Di động Thông minh	342.611.597.988	43.856.769.472
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	184.621.127.290	49.617.945.300
Công ty TNHH Thương mại và Xuất Nhập khẩu Viettel	69.205.940.000	310.867.954.724
Khác	<u>2.774.865.663.336</u>	<u>1.289.231.095.335</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.680.038.863.685</u>	<u>1.971.271.636.818</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế TNDN phải nộp	172.757.057.796	495.800.545.472	(530.854.203.913)	137.703.399.355
Thuế giá trị gia tăng	20.180.013	6.578.162.154.152	(6.578.177.459.165)	4.875.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.292.323.411	65.670.008.534	(52.821.130.700)	14.141.201.245
Khác	408.181.619	15.339.176.642	(14.772.827.943)	974.530.318
TỔNG CỘNG	<u>174.477.742.839</u>	<u>7.154.971.884.800</u>	<u>(7.176.625.621.721)</u>	<u>152.824.005.918</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản thưởng phải trả nhân viên	687.786.650.541	161.706.975.206
Chi phí hỗ trợ lãi suất	102.319.199.830	64.403.030.717
Các khoản phải trả nhân viên	26.012.634.608	26.353.287.007
Chi phí dịch vụ bảo hành	24.457.547.146	16.373.296.196
Chi phí vận chuyển	19.593.657.748	10.202.726.442
Chi phí tiếp thị quảng cáo	17.171.005.348	12.047.488.743
Các chi phí tiện ích	11.916.410.462	12.104.268.559
Khác	<u>14.201.011.440</u>	<u>4.032.569.161</u>
TỔNG CỘNG	<u>903.458.117.123</u>	<u>307.223.642.031</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cước phí	169.294.130.134	88.953.566.726
Thu hộ tiền trả góp	113.820.181.025	20.780.034.000
Ký quỹ	21.128.379.574	3.390.559.040
Phiếu mua hàng	16.207.275.000	52.188.360.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	7.618.274.787	3.789.853.004
Các khoản phải trả khác	<u>6.477.802.427</u>	<u>6.259.867.994</u>
TỔNG CỘNG	<u>334.546.042.947</u>	<u>175.362.240.764</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>2.052.945.972.681</u>	<u>19.961.551.061.988</u>	<u>(17.225.505.287.912)</u>	<u>4.788.991.746.757</u>

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn ngân hàng này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối năm VND	Kỳ hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.100.892.561.174	từ 07/03/2017 đến 27/03/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	784.309.737.200	từ 02/01/2017 đến 01/02/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	664.638.134.074	từ 03/01/2017 đến 23/02/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	550.927.773.655	từ 21/02/2017 đến 16/03/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân Hàng Mizuho Bank, Ltd. – Chi Nhánh Tp. Hà Nội	410.808.794.543	từ 10/01/2017 đến 23/03/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	381.166.581.650	từ 06/01/2017 đến 24/02/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân Hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Nam	299.634.286.918	từ 07/01/2017 đến 20/01/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	179.669.051.750	từ 03/01/2017 đến 17/01/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	149.289.128.079	từ 09/01/2017 đến 16/02/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)	104.949.126.799	06/01/2017	thả nổi	Tín chấp
Citibank N.A Việt Nam	102.482.124.528	12/01/2017	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	<u>60.224.446.387</u>	từ 26/01/2017 đến 01/03/2017	thả nổi	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>4.788.991.746.757</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	1.119.567.790.000	36.717.698.286	(300.394.500)	317.840.559.767	1.130.494.084	1.474.956.147.637
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.071.893.519.399	-	1.071.893.519.399
Phát hành cổ phiếu thưởng	279.471.970.000	-	-	(279.471.970.000)	-	-
Mua thêm quyền sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(62.781.933.366)	-	(62.781.933.366)
Phát hành cổ phiếu ESOP	69.849.980.000	-	-	(69.849.980.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(2.153.900.000)	-	-	(2.153.900.000)
Số cuối năm	<u>1.468.889.740.000</u>	<u>36.717.698.286</u>	<u>(2.454.294.500)</u>	<u>977.630.195.800</u>	<u>1.130.494.084</u>	<u>2.481.913.833.670</u>
Năm nay:						
Số đầu năm	1.468.889.740.000	36.717.698.286	(2.454.294.500)	977.630.195.800	1.130.494.084	2.481.913.833.670
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.577.372.426.339	-	1.577.372.426.339
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(219.929.263.800)	-	(219.929.263.800)
Phát hành cổ phiếu ESOP (**)	70.619.530.000	-	2.690.430.000	(73.309.960.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(315.300.000)	-	-	(315.300.000)
Số cuối năm	<u>1.539.509.270.000</u>	<u>36.717.698.286</u>	<u>(79.164.500)</u>	<u>2.261.763.398.339</u>	<u>1.130.494.084</u>	<u>3.839.041.696.209</u>

(*) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị là VND 219.929.263.800 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2016/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016.

(**) Vào ngày 14 tháng 12 năm 2016, Công ty đã phát hành 7.330.996 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 73.309.960.000 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2016/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Số cổ phiếu
Số đầu năm	146.888.974
Tăng vốn trong năm	7.061.953
Số cuối năm	<u>153.950.927</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	153.950.927	146.888.974
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.950.927	146.888.974
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(48.670)	(218.673)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.902.257	146.670.301

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	45.612.676.802.016	25.388.072.018.730
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	45.292.636.706.396	25.200.315.769.140
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	320.040.095.620	187.756.249.590
Các khoản giảm trừ doanh thu	(999.344.129.028)	(135.338.939.486)
Trong đó:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(999.344.129.028)	(135.338.939.486)
Doanh thu thuần	<u>44.613.332.672.988</u>	<u>25.252.733.079.244</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	133.294.392.764	79.030.511.645
Lãi tiền gửi	1.799.386.698	913.660.286
Lãi chênh lệch tỷ giá	233.921.270	1.041.648.482
TỔNG CỘNG	<u>135.327.700.732</u>	<u>80.985.820.413</u>

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	37.399.226.360.426	21.330.302.185.370
Chi phí nhân công	3.046.489.230.277	1.385.875.600.882
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9, 10 và 13)	386.634.522.356	197.056.011.824
Chi phí khác	1.789.349.448.717	1.017.478.413.826
TỔNG CỘNG	<u>42.621.699.561.776</u>	<u>23.930.712.211.902</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	119.645.695.306	38.893.852.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá	440.166.040	1.772.241.742
TỔNG CỘNG	<u>120.085.861.346</u>	<u>40.666.093.756</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.005.914.114.923	1.385.783.787.694
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	401.182.822.985	304.872.433.293
Các điều chỉnh		
Các khoản thường phải trả nhân viên	47.902.016.880	-
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.180.433.944	4.138.875.076
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	11.865.568.177	1.395.100.469
Lỗi từ công ty con	11.108.544.131	-
Dự phòng chi phí bảo hành	7.344.497.606	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.004.137.713	2.204.551.484
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(5.975.090)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.218.499.126	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	<u>495.800.545.472</u>	<u>312.610.960.322</u>

23.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Lợi ích ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản thường phải trả nhân viên	47.618.094.926	-	47.618.094.926	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.585.164.010	15.404.730.066	13.180.433.944	2.598.402.071
Dự phòng chi phí bảo hành	7.344.497.606	-	7.344.497.606	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(5.975.090)	-	(5.975.090)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>83.541.781.452</u>	<u>15.404.730.066</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>68.137.051.386</u>	<u>2.598.402.071</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	1.577.372.426.339	1.071.893.519.399
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>153.950.935</u>	<u>154.067.931</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.246	6.957
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (**)	9.948	6.957

(*) Tổng số cổ phiếu bình quân trong năm trước được điều chỉnh do việc phát hành 7.330.996 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01_2016/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0210/NQ/HĐQT-2016 ngày 24 tháng 10 năm 2016.

(**) Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho năm nay đã được điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) theo kết quả kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01_2016/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016.

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	VND Năm trước
Lương và thưởng	<u>10.976.679.410</u>	<u>11.185.976.152</u>

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đến 1 năm	832.345.210.218	420.778.565.308
Từ 1 đến 5 năm	2.739.276.049.465	1.239.689.659.921
Trên 5 năm	<u>1.047.299.326.747</u>	<u>675.222.437.710</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.618.920.586.430</u>	<u>2.335.690.662.939</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

